

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HCB
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HCB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HCB SERVICE AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110086553

3. Ngày thành lập: 09/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1263 đường Giải Phóng, Tổ 8, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988119548

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)).	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt máy móc, hệ thống báo cháy, phòng cháy chữa cháy, hệ thống an ninh, hệ thống báo động (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác	4511
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ắc quy ô tô, xe máy,... (Trừ hoạt động đấu giá)	4530(Chính)
6.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán xe đạp điện, xe máy điện (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543

8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn các loại động cơ điện, máy móc thiết bị kỹ thuật điện, cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng; Bán buôn vật tư, thiết bị, phụ tùng thiết bị kỹ thuật điện, cơ kim khí; Bán buôn máy bơm, quạt, hệ thống thông gió, hệ thống nhiệt lạnh, hệ thống điều khiển và tự động hóa	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng)	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, thạch cao, vật liệu chống thấm; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, thiết bị điện nước, thiết bị an ninh; Bán buôn cửa cuốn, cửa từ tự động, thang máy, chống sét, hệ thống âm thanh, mạng, camera, đèn chiếu sáng, tủ điện, thang cáp, máng cáp, động cơ điện, dây điện và lắp đặt các thiết bị trên;	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn gỗ công nghiệp MDF; Bán buôn hàng trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn các thiết bị viễn thông, thông tin, thi công xây dựng các hệ thống viễn thông; Mua bán vật tư thiết bị điện, cơ điện, thi công, xây dựng hệ thống điện, cơ điện các công trình dân dụng và công nghiệp	4669
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
15.	Đào tạo trung cấp (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)	8532
16.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
17.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
18.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình - Giám sát thi công xây dựng	7110
20.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Loại trừ hoạt động kiểm tra mẫu xét nghiệm động vật)	7120

21.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm thăm dò dư luận)	7320
22.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
23.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động báo chí)	7420
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)	7490
25.	Cho thuê xe có động cơ	7710
26.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
27.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
28.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
29.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
30.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
31.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
32.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
33.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
34.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
35.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
36.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô – Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định – Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng – Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa; dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); Dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hàng hải khác (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không); đại lý vận chuyển hàng hóa; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn); Dịch vụ bao gói hàng hóa	5229

42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
43.	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: – Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; – Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây	6110
44.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: – Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây – Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác	6120
45.	Hoạt động viễn thông vệ tinh Chi tiết: – Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh	6130
46.	Hoạt động viễn thông khác	6190
47.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
48.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
49.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
50.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
51.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa xe đạp, xe máy điện	3312
53.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
54.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
55.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
58.	Thu gom rác thải độc hại	3812
59.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
60.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại; Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
61.	Xây dựng nhà để ở	4101
62.	Xây dựng nhà không để ở	4102

63.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
64.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
65.	Xây dựng công trình điện	4221
66.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
67.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
68.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
69.	Xây dựng công trình thủy	4291
70.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
71.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
72.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
73.	Phá dỡ (không hoạt động nổ mìn)	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng (không hoạt động nổ mìn)	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
80.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CHÍ HIỆU	Thôn Phú Cường, Xã Lăng Công, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	49,000	0260900024 87	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	98.000	980.000.000	49,000		
2	NGUYỄN TRUNG TRỌNG	Xóm Chợ, thôn Đổng, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	62.000	620.000.000	31,000	0010820090 78	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	62.000	620.000.000	31,000		

3	NGUYỄN THỊ HỒNG CHI	Phòng 736 HH2C Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	0241880001 33
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CHÍ HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026090002487

Ngày cấp: 01/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Cường, Xã Lăng Công, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Cường, Xã Lăng Công, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội